

Câu 1: (2đ) Nhập nội dung và định dạng dữ liệu bảng tính (bắt đầu từ A1).

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	CỬA HÀNH KINH DOANH TỔNG HỢP								
2	STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	Thành tiền	
3	1	TB20-SI							
4	2	TH7-LE							
5	3	TG30-SI							
6	4	RC12-LE							
7	5	RB10-LE							
8	6	RM50-SI							
9	7	TB25-SI							
10	8	TH25-SI							
11	9	TG7-LE							
12	10	RC15-LE							
13	11	RB35-SI							
14	12	TH9-LE							
15									
16	Bảng 1. (THIT)				Bảng 2. (RAU)				
17	Mã	Tên hàng	Sỉ	Lẻ	Mã	Tên hàng	Sỉ	Lẻ	
18	B	Bò	220,000	250,000	B	Bắp cải	20,000	25,000	
19	G	Gà	110,000	130,000	C	Cải xanh	15,000	20,000	
20	H	Heo	100,000	120,000	M	Rau muống	10,000	15,000	
21									
22	Bảng 3. THỐNG KÊ THÀNH TIỀN								
23		Bò	Gà	Bắp cải	Cải xanh	Heo	Rau muống		
24	Phụ thu	1.0%	0.5%	1.5%	2.0%	1.5%	2.5%		
25	Sỉ								
26	Lẻ								

Câu 2: (0.5đ) **Phân loại:** nếu ký tự thứ 1 của Mã hàng là T thì ghi THIT, ngược lại ghi RAU.

Câu 3: (1đ) **Tên hàng:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự thứ 2 của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2.

Câu 4: (0.5đ) **Số lượng:** là các ký số ở giữa Mã hàng và chuyển thành số.

Câu 5: (1đ) **Giá bán:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự thứ 2 của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2. Tuy nhiên nếu 2 ký tự cuối của Mã hàng là SI lấy giá trong cột Sỉ, là LE lấy giá trong cột Lẻ.

Câu 6: (1đ) **Phụ thu** = **Số lượng*****Giá bán*****MỨC PHỤ THU**. MỨC PHỤ THU dựa vào Tên hàng tra trong Bảng 3 và chỉ tính PHỤ THU khi SỐ LƯỢNG dưới 20.

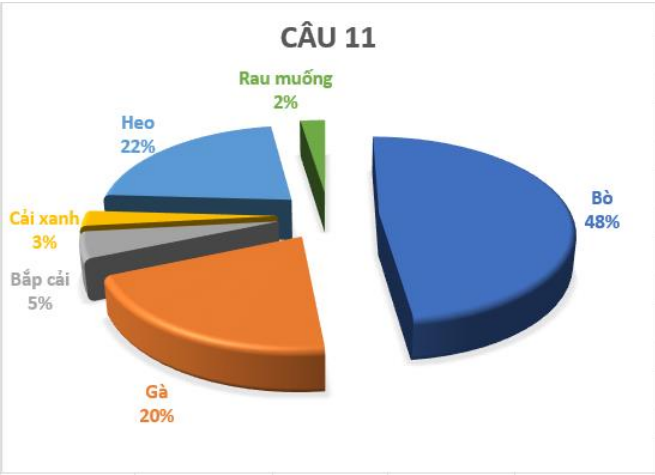
Câu 7: (0.5đ) **Thành tiền** = **Số lượng*****Giá bán**+**Phụ thu**.

Câu 8: (1đ) Tính tổng thành tiền các ô còn trống trong Bảng 3.

Câu 9: (1đ) Sử dụng Advanced Filter trích lọc danh sách những mặt hàng Rau có tính phụ thu.

Câu 10: (0.5đ) Sử dụng Conditional Formatting tô màu xanh các dòng Mã hàng bán Lẻ có Số lượng từ 10 trở lên.

Câu 11: (1đ) Dựa vào dữ liệu Bảng 3 (lấy tổng thành tiền theo TÊN HÀNG) tạo ra đồ thị sau:



Ghi chú: Cán bộ coi thi không được giải thích đề thi.

Chuẩn đầu ra của học phần (về kiến thức)	Nội dung kiểm tra
[G 1.2]: Sử dụng thành thạo các công cụ Word, Excel, PowerPoint để thiết kế các tài liệu phục vụ cho công việc chuyên môn.	Câu 1
[G 2.2]: Sử dụng các công cụ Word, Excel để thu thập và lưu trữ dữ liệu.	Câu 1
[G 4.1]: Sử dụng các công thức và các hàm trong Excel để phân tích số liệu, tính toán và thống kê.	Câu 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11

Ngày 14 tháng 05 năm 2024
Trưởng bộ môn
(ký và ghi rõ họ tên)

TS. Trần Nhật Quang

ĐÁP ÁN GỢI Ý

Câu 1: (2đ) Nhập nội dung và định dạng dữ liệu bảng tính (bắt đầu từ A1).

	A	B	C	D	E	F	G	H	I
1	CỬA HÀNG KINH DOANH TỔNG HỢP								
2	STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu	Thành tiền	
3	1	TB20-SI							
4	2	TH7-LE							
5	3	TG30-SI							
6	4	RC12-LE							
7	5	RB10-LE							
8	6	RM50-SI							
9	7	TB25-SI							
10	8	TH25-SI							
11	9	TG7-LE							
12	10	RC15-LE							
13	11	RB35-SI							
14	12	TH9-LE							
15									
16	Bảng 1. (THIT)				Bảng 2. (RAU)				
17	Mã	Tên hàng	Sĩ	Lê	Mã	Tên hàng	Sĩ	Lê	
18	B	Bò	220,000	250,000	B	Bắp cải	20,000	25,000	
19	G	Gà	110,000	130,000	C	Cải xanh	15,000	20,000	
20	H	Heo	100,000	120,000	M	Rau muống	10,000	15,000	
21									
22	Bảng 3. THỐNG KÊ THÀNH TIỀN								
23		Bò	Gà	Bắp cải	Cải xanh	Heo	Rau muống		
24	Phụ thu	1.0%	0.5%	1.5%	2.0%	1.5%	2.5%		
25	Sĩ								
26	Lê								

(Chú ý: trong các công thức sử dụng địa chỉ theo vị trí thiết lập các bảng như trên)

Câu 2: (0.5đ) **Phân loại:** nếu ký tự thứ 1 của Mã hàng là T thì ghi THIT, ngược lại ghi RAU.

=IF(LEFT(B3,1)="T","THIT","RAU")

Câu 3: (1đ) **Tên hàng:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự thứ 2 của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2.

=IF(C3="THIT",VLOOKUP(MID(B3,2,1),\$A\$18:\$B\$20,2,0),VLOOKUP(MID(B3,2,1),\$F\$18:\$G\$20,2,0))

Câu 4: (0.5đ) **Số lượng:** là các ký số ở giữa Mã hàng và chuyển thành số.

=VALUE(MID(B3,3,LEN(B3)-5))

Câu 5: (1đ) **Giá bán:** tùy vào Phân loại, dựa vào ký tự thứ 2 của Mã hàng tra trong Bảng 1, Bảng 2. Tuy nhiên nếu 2 ký tự cuối của Mã hàng là SI lấy giá trong cột Sĩ, là LE lấy giá trong cột Lê.

=IF(C3="THIT",VLOOKUP(MID(B3,2,1),\$A\$18:\$D\$20,IF(RIGHT(B3,2)="SI",3,4),0),VLOOKUP(MID(B3,2,1),\$F\$18:\$I\$20,IF(RIGHT(B3,2)="SI",3,4),0))

Câu 6: (1đ) **Phụ thu = Số lượng*Giá bán*MỨC PHỤ THU.** MỨC PHỤ THU dựa vào Tên hàng tra trong Bảng 3 và chỉ tính PHỤ THU khi SỐ LƯỢNG dưới 20.

=IF(E3<20,E3*F3*HLOOKUP(D3,\$B\$23:\$G\$24,2,0),0)

Câu 7: (0.5đ) **Thành tiền = Số lượng*Giá bán+Phụ thu.**

=E3*F3+G3

Câu 8: (1đ) Tính tổng thành tiền các ô còn trống trong Bảng 3.

=SUMIFS(\$H\$3:\$H\$14,\$D\$3:\$D\$14,B23,\$B\$3:\$B\$14,"*SI")

=SUMIFS(\$H\$3:\$H\$14,\$D\$3:\$D\$14,B23,\$B\$3:\$B\$14,"*LE")

Câu 9: (1đ) Sử dụng Advanced Filter trích lọc danh sách những mặt hàng Rau có tính phụ thu.

43								
44	câu 9							
45		Phân loại	Phụ thu					
46		RAU	>0					
47								
48		STT	Mã hàng	Phân loại	Tên hàng	Số lượng	Giá bán	Phụ thu
49		4	RC12-LE	RAU	Cải xanh	12	20,000	4,800
50		5	RB10-LE	RAU	Bắp cải	10	25,000	3,750
51		10	RC15-LE	RAU	Cải xanh	15	20,000	6,000
52								
53								
54								

Advanced Filter

Action

☐ Filter the list, in-place

☒ Copy to another location

List range: \$A\$2:\$H\$14

Criteria range: \$B\$4:\$C\$46

Copy to: \$A\$48:\$H\$48

☐ Unique records only

OK Cancel

Câu 10: (0.5đ) Sử dụng Conditional Formatting tô màu xanh các dòng Mã hàng bán Lẻ có Số lượng từ 10 trở lên.

A3								
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
8								
9								
10								
11								
12								
13								
14								
15								

Edit Formatting Rule

Select a Rule Type:

- Format all cells based on their values
- Format only cells that contain
- Format only top or bottom ranked values
- Format only values that are above or below average
- Format only unique or duplicate values
- Use a formula to determine which cells to format**

Edit the Rule Description:

Format values where this formula is true:

=AND(RIGHT(\$B3,2)="LE", \$E3>=10)

Preview: AaBbCcYyZz

OK Cancel

Câu 11: (1đ) Dựa vào dữ liệu Bảng 3 (lấy tổng thành tiền theo TÊN HÀNG) tạo ra đồ thị sau:

